TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 514/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị Yến N, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: số nhà 399, đường Q, khóm 4, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Dương Minh T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 18, ấp 1, xã P, huyện C1, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2022, Biên bản hòa giải không tiến hành phiên họp và hòa giải được ngày 07/3/2023, chị Phan Thị Yến N là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu thì chị Phan Thị Yến N và anh Dương Minh T được gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 16/8/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng sau khi sinh con và về gia đình chồng sống thì anh T không chịu đi làm, chỉ có chị N đi làm để lo cho gia đình. Khi chị N ở nhà thì anh T lại ghen tuông, chửi mắng, đánh đập chị N. Đến tháng 10/2021, do không chịu đựng được và nhận thấy anh T không sửa đổi nên chị N đã về gia đình mẹ ruột ở C sống. Thời gian xa nhau anh T không thăm hỏi

hay cấp dưỡng nuôi con, không có ý định hàn gắn tình cảm. Do nhận thấy không thể duy trì hôn nhân nên nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có con chung là cháu Dương Minh Q, sinh ngày 11/02/2019, hiện nay đang do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Phan Thị Yến N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn và nuôi con, địa chỉ của bị đơn tại xã P, huyện C1, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C1, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Phan Thị Yến N là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Dương Minh T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Chị N và anh T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C1, tỉnh Đ, là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Theo chị N trình bày thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn vì anh T không quan T, chăm sóc vợ lại còn thường đánh đập chị N. Nhận thấy không thể chung sống được nên từ tháng 10/2021 đến nay, chị N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian này, anh T không thăm nom con, không có ý định hàn gắn tình cảm. Về phía anh T là bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T là đã trầm trọng như chị N trình bày là đúng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[4] Về nuôi con: Chị N trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Dương Minh Q, sinh ngày 11/02/2019. Hiện nay con chung do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q. Xét thấy, hiện cháu Q đang chung sống với mẹ ổn định. Phía anh T cũng không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó, việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Anh T không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 14, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Yến N được ly hôn với anh Dương Minh T.

2. Về nuôi con: Chị Phan Thị Yến N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Minh Q, sinh ngày 11/02/2019. Anh Dương Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phan Thị Yến N không yêu cầu.

Anh Dương Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Yến N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Phan Thị Yến N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014627 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã Phong Mỹ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Phương Thảo